

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn các huyện, thành phố**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Văn bản số 204/TTg-NN ngày 22/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện một số dự án theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trồng sang mục đích khác;*

*Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 49/TTr-SNN ngày 13/4/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn các huyện, thành phố cụ thể như sau:

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác bổ sung là 108,933 ha (37,650 ha rừng tự nhiên; 71,283 ha rừng trồng) của 32 dự án (20 dự án của tổ chức; 12 dự án của hộ gia đình, cá nhân), trong đó:

- Thành phố Yên Bái 13,456 ha rừng trồng của 04 dự án (01 dự án thực hiện trên địa bàn của 02 huyện).

- Huyện Trấn Yên 37,912 ha rừng trồng của 08 dự án (01 dự án thực hiện trên địa bàn của 02 huyện).

- Huyện Lục Yên 48,978 ha (37,650 ha rừng tự nhiên; 11,328 ha rừng trồng) của 03 dự án.

- Huyện Văn Chấn 2,091 ha rừng trồng của 01 dự án.
- Huyện Trạm Tấu 0,305 ha rừng trồng của 01 dự án.
- Huyện Văn Yên 5,493 ha rừng trồng của 02 dự án.
- Huyện Mù Cang Chải 0,370 ha rừng trồng của 01 dự án.
- Huyện Yên Bình 0,328 ha rừng trồng của 12 dự án.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### 1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Thông báo, hướng dẫn tới các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trong danh sách hoàn thiện hồ sơ về thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế; hồ sơ đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn để trình các cấp thẩm quyền xem xét quyết định theo quy định.

- Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn theo quy định.

### 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Rà soát, tổng hợp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (chủ dự án tự thực hiện trồng rừng thay thế hoặc nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Yên Bái).

- Thẩm định hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của các tổ chức trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của các huyện, thành phố.

## **Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Phó Chủ tịch TT. UBND tỉnh;
- Phó Chánh VP (NLN) UBND tỉnh;
- Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh;
- Lưu: VT, NLN.

*ay*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thế Phước**





## PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số **629** /QĐ-UBND ngày **18 / 4** /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)


TT	Tên dự án	Văn bản chấp thuận chủ trương CMĐSDR	Địa điểm CMĐSDR	Diện tích rừng chuyển mục đích (ha)						
				Tổng	Rừng tự nhiên			Rừng trồng		
					Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất
<b>I</b>	<b>Thành phố Yên Bái</b>			<b>13,456</b>						<b>13,456</b>
1	Dự án nâng cấp, mở rộng trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội tỉnh Yên Bái	Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND	Phường Yên Thịnh	3,758						3,758
2	Dự án đầu tư xây dựng kho tập kết thuốc, vật tư y tế Thanh Phương		Phường Minh Tân	0,527						0,527
3	Dự án Đường nối Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài – Lào Cai, tỉnh Yên Bái		Xã Văn Phú	7,077						7,077
4	Dự án Nút giao IC13 cao tốc Nội Bài - Lào Cai (đoạn qua thành phố Yên Bái)		Xã Âu Lâu	2,094						2,094
<b>II</b>	<b>Huyện Trấn Yên</b>			<b>37,912</b>						<b>37,912</b>
1	Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất giấy để xuất khẩu Minh Quân (phần diện tích mở rộng dự án)	Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND	Xã Minh Quân	0,080						0,080
2	Dự án Nhà máy chế biến quặng sắt, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái		Xã Hưng Khánh	8,793						8,793
3	Dự án Đầu tư nâng cấp QL37 đoạn Km280 - Km340, tỉnh Yên Bái		Xã Hưng Khánh, Hưng Thịnh, Lương Thịnh	14,385						14,385



TT	Tên dự án	Văn bản chấp thuận chủ trương CMĐSDR	Địa điểm CMĐSDR	Diện tích rừng chuyển mục đích (ha)						
				Tổng	Rừng tự nhiên			Rừng trồng		
					Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất
4	Tiểu dự án giải phóng mặt bằng khu, cụm công nghiệp huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND	Xã Bảo Hưng	1,721						1,721
5	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn thôn Làng Qua, xã Bão Đáp, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái		Xã Bão Đáp	0,407						0,407
6	Dự án Khu tái định cư xây dựng công trình Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng phức hợp Quốc tế Vân Hội, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái		Xã Việt Cường	0,558						0,558
7	Dự án Đường nối Tỉnh lộ 172 với cao tốc Nội Bài – Lào Cai, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái		Xã Việt Cường	7,800						7,800
8	Dự án Nút giao IC13 cao tốc Nội Bài - Lào Cai (đoạn qua huyện Trấn Yên)		Xã Y Can	4,168						4,168
<b>III</b>	<b>Huyện Lục Yên</b>			<b>48,978</b>			<b>37,650</b>			<b>11,328</b>
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ đá hoa làm đá ốp lát và sản xuất bột Cacbonat Canxi tại khu vực Minh Tiến II, xã Minh Tiến, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	- Văn bản số 204/TTg-NN ngày 22/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ; - Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND	Xã Minh Tiến	46,410			37,650			8,760
2	Dự án đầu tư nhà máy nghiền bột đá, sản xuất đá xẻ tự nhiên và đá xẻ nhân tạo	Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND	Xã An Phú	1,788						1,788
3	Dự án đầu tư xây dựng bãi tập kết khoáng sản đi kèm và bến thủy nội địa		Xã Động Quan	0,780						0,780



T	Tên dự án	Văn bản chấp thuận chủ trương CMĐSDR	Địa điểm CMĐSDR	Diện tích rừng chuyển mục đích (ha)						
				Tổng	Rừng tự nhiên			Rừng trồng		
					Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất
<b>IV</b>	<b>Huyện Văn Chấn</b>			<b>2,091</b>						<b>2,091</b>
1	Dự án Trạm biến áp 220Kv Nghĩa Lộ và đường dây 220Kv đầu nối Nghĩa Lộ - TBA 500Kv Việt Trì	Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND	Sơn Thịnh, Suối Bu, Cát Thịnh, Tân Thịnh, Chấn Thịnh	2,091						2,091
<b>V</b>	<b>Huyện Trạm Tấu</b>			<b>0,305</b>					<b>0,017</b>	<b>0,288</b>
1	Dự án Đường dây 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ	Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND	Xã Pá Hu, Phình Hồ, Trạm Tấu, Xà Hồ	0,305					0,017	0,288
<b>VI</b>	<b>Huyện Văn Yên</b>			<b>5,493</b>						<b>5,493</b>
1	Dự án đường nối tỉnh lộ 163 với cao tốc Nội Bài – Lào Cai	Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND	Xã An Bình, Đông Cường, Mậu Đông, Ngòi A, Quang Minh	3,830						3,830
2	Dự án đầu Cầu vượt đường sắt khu vực xã An Bình, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái		Xã An Bình	1,663						1,663
<b>VII</b>	<b>Huyện Mù Cang Chải</b>			<b>0,370</b>						<b>0,370</b>
1	Dự án nâng cấp đường vành đai Thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải	Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND	TT Mù Cang Chải	0,370						0,370

TT	 <b>Tên dự án</b>	<b>Văn bản chấp thuận chủ trương CMĐSDR</b>	<b>Địa điểm CMĐSDR</b>	<b>Diện tích rừng chuyển mục đích (ha)</b>						
				<b>Tổng</b>	<b>Rừng tự nhiên</b>			<b>Rừng trồng</b>		
					<b>Đặc dụng</b>	<b>Phòng hộ</b>	<b>Sản xuất</b>	<b>Đặc dụng</b>	<b>Phòng hộ</b>	<b>Sản xuất</b>
<b>VIII</b>	<b>Huyện Yên Bình (Dự án của các hộ gia đình, cá nhân)</b>			<b>0,328</b>						<b>0,328</b>
1	Nguyễn Đình Tường	Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND	Xã Phú Thịnh	0,030						0,030
2	Nguyễn Duy Tuyên		Xã Xuân Lai	0,019						0,019
3	Trần Thị Hương		Xã Xuân Lai	0,025						0,025
4	Triệu Kim Cương		Xã Xuân Lai	0,030						0,030
5	Phương Đức Hoàn		Xã Xuân Lai	0,026						0,026
6	Hoàng Ngọc Thành		Xã Xuân Lai	0,029						0,029
7	Hoàng Văn Biên		Xã Xuân Lai	0,020						0,020
8	Lương Thị Lý		TT Yên Bình	0,035						0,035
9	Lương Quốc Việt		TT Yên Bình	0,040						0,040
10	Đỗ Văn Chung		Xã Vĩnh Kiên	0,040						0,040
11	Nguyễn Thanh Tinh		Xã Vĩnh Kiên	0,025						0,025
12	Phạm Ngọc Hòa		Xã Hán Đà	0,009						0,009
<b>Tổng cộng</b>				<b>108,933</b>			<b>37,650</b>		<b>0,017</b>	<b>71,266</b>